

# TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 7

### MỤC LỤC

Đời thứ mười hai dưới đời Thiền sư Đại Giám.

Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viên ở Thạch sương, có năm mươi vị:

1. Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long
2. Thiền sư Phương Hội ở Dương kỳ
3. Thiền sư Khả Chân ở Thúy nham
4. Thiền sư Tán Nguyên ở Tương sơn
5. Thiền sư Sơn Chính ở Võ tuyền
6. Thiền sư Tĩnh Hồi ở Song phong
7. Thiền sư Đạo Khoan ở Đại ninh
8. Thiền sư Ngộ Chân ở Đạo ngô
9. Thiền sư Bảo Tâm ở Tương sơn
10. Thiền sư Duy Chính ở Bách trượng
11. Thiền sư Uẩn Lương ở Hương sơn
12. Thiền sư Duy Quảng ở Nam phong
13. Thiền sư Đức Càn ở Đại quy
14. Thiền sư Bản Ngôn ở Linh sơn
15. Thiền sư Nguyên ở Quảng pháp
16. Thiền sư Đức Chương ở Linh ẩn (mười sáu vị trên có ghi lục)
17. Thiền sư Đới Hưu ở Thái bình
18. Thiền sư Cảnh Thiều ở Lạc phố
19. Thiền sư Toại ở Thiên đồng
20. Thiền sư Giản Trình ở Tịnh từ
21. Thiền sư Nghĩa Tiên ở Dực sơn
22. Thiền sư Cư Phụng ở La-hán
23. Thiền sư Duyệt ở Vĩnh lạc
24. Thiền sư Chân ở Thọ ninh

25. Thiền sư Hạnh Nguyên ở Tạng viện
26. Thiền sư Ứng Quang ở Ô long
27. Thiền sư Chí Kiên ở Tịnh từ
28. Thiền sư Trường Duyệt ở Báo bản
29. Thiền sư Sầm ở Phước tiến
30. Thiền sư Tu Giới ở Phổ chiếu
31. Thiền sư Ứng ở Thạch thất
32. Thiền sư Hải Thiện ở Tư phước
33. Thiền sư Vĩnh Ninh ở Đại la
34. Thiền sư Đức ở Kim cang
35. Thiền sư Tín An ở Vân tế
36. Thiền sư Đắc Nhất ở Hưng hóa
37. Thiền sư Khánh Dư ở Mạc phụ
38. Thiền sư Nhân Triệt ở La sơn
39. Thiền sư Liễu Văn ở Thừa thiên
40. Thiền sư Hồng Trạch ở Phổ môn
41. Thiền sư Quang Dụng ở Bồ-đề
42. Thiền sư Duy Thận ở La sơn
43. Thiền sư Đức Nhã ở Pháp thạch
44. Thiền sư Trạch ở Thúy phong
45. Thiền sư Thiện Tập ở Tứ châu
46. Thiền sư Nguyên Lục ở Tứ châu
47. Thiền sư Thiện ở Cổ điền
48. Thị giả Tố ở Lộc uyển
49. Thiền sư Thượng tọa Vĩnh
50. Cư sĩ Dương Điền ở Đề hình (ba mươi bốn vị trên, hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác ở Lang da, có hai mươi tám vị:

1. Thiền sư Siêu Tín ở Định tuệ
2. Thiền sư Hiếu Nguyệt ở Lạc đàm
3. Thiền sư Phương ở Khương sơn
4. Thiền sư Hiển Đoan ở Bạch lộ
5. Thiền sư Trí Thiên ở Lang da
6. Thiền sư Động Uyên ở Lương phong
7. Thiền sư Phương ở Chân như
8. Thiền sư Thản ở Hưng giáo

9. Thiên sư Khả Tuyên ở Quy tông
10. Thiên sư Tử Tuyền ở Trường thủy (mười vị trên hiện có ghi lục)
11. Thiên sư Kế Thuyên ở Lang da
12. Thiên sư Trung ở Tây dư
13. Thiên sư Tử Hòa ở Công an
14. Thiên sư Hữu Tân ở Hoàng long
15. Thiên sư Ngô Không ở Ngọc tuyền
16. Thiên sư Trí Nguyệt ở Thiên trúc
17. Thiên sư Trí Kha ở Viên thông
18. Thiên sư Văn Tiệp ở Sùng thắng
19. Thiên sư Lương ở Chứng Thánh
20. Thiên sư Nhân Ích ở Cửu quỳnh
21. Thiên sư Lượng ở Cam lồ
22. Thiên sư Vụ Bản ở Ngọc tuyền
23. Thiên sư Khả Tuệ ở Hoàng hạc
24. Thiên sư Trung ở Bao thiên
25. Thiên sư Dụng Tôn ở Bao thiên
26. Thiên sư Lượng ở Hải hội
27. Thiên sư Hiếu Nghiêm ở Khai Thánh
28. Cư sĩ Đãi Chế Tra Công (mười tám vị trên không ghi lục).

\*\*\*\*\*

## **ĐỆ TỬ NỐI DỐI THIÊN SƯ VIÊN Ở THẠCH SƯƠNG.**

### **1. Thiên sư Tuệ Nam ở Hoàng long.**

Thiên sư Nam ở Hoàng long vốn dòng họ Chương, húy là Huệ Nam. Tổ tiên Sư gốc người ở Ngọc sơn, Tín châu. Từ thuở nhỏ, Sư đã đượm nhuần, có tướng của bậc Đại nhân, chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng, chẳng ham thích mua vui. Năm mười một tuổi sư bỏ gia đình thế tục đến nương tựa Thiên sư Trí Loan ở viện Định thủy tại Hoài ngọc. Sư từng nghe Thiên sư Trí Loan vân du trên đường thấy các đèn miếu, bèn dùng gậy đánh phá và thiêu đốt xong bỏ đi. Năm mười chín tuổi, Sư xuống tóc và thọ giới Cụ túc, rảo bước xa đến Quy tông, Lô sơn. Lão túc Tự Bảo nhòm tập chúng tọa, và Sư bèn nương tựa đó. Tự Bảo thường luôn nháy mắt. Từ đó, Sư ngồi hẳn là kiết già, đi thì nhìn thẳng. Sư lại đến Thê Hiền nương tựa Thiên sư Thị. Thiên sư Thị đến với đại chúng đứng đi rất có nghi luật, Sư nương theo quy mô ấy ba năm. Rồi giả từ

vượt qua sông Hoài đến nương tựa Thiền sư Trùng ở Tam giác. Thiền sư Trùng là người rất có tiếng tăm ở đương thời, qua một lần trông thấy Sư bèn liền chấp thuận. Mãi đến lúc Thiền sư Trùng chuyển dời sang Lạc đàm, Sư cũng cùng đi theo. Thiền sư Trùng bèn sai phân tòa tiếp đãi đồ chúng. Mà Thiền sư Văn Duyệt ở Nam xương thấy thế từng về nằm than rằng: “Thiền sư Tuệ Nam rất có đạo khí, chỉ tiếc là chưa nhận thọ bản sắc cam chùy!” Gặp lúc đồng đến Tây sơn, ban đêm cùng trò chuyện về Thiền sư Pháp đạo ở Vân môn, Văn Duyệt nói: “Trùng Công tuy là nối dõi Vân môn, nhưng pháp đạo thì khác vậy”. Sư bèn hỏi về điều khác ấy. Văn Duyệt nói: “Vân môn như chín chuyển đan sa, chấm sắt làm vàng. Còn Trùng Công thuốc lộng ngân, Đồ chúng có thể mua vui, vào tôi luyện tức liền chảy đi”. Sư tức giận, nắm gối mà dè ném đó. Đến sáng hôm sau, Văn Duyệt sám tạ lỗi quá và lại nói: “Vân môn khí vũ như vua, cam nhận câu chết xuống vậy. Còn Trùng Công có pháp trao người câu c- hết - Câu chết ấy có thể cứu sống được người vậy!” Và liền xoay lưng đi. Sư bèn kéo lại mà nói: “Tức như vậy ai chỉ ông ý ấy?” Văn Duyệt nói: “Thiền sư Sơ Viên mảnh khóc ra các phương, ông muốn thấy đó, không nên đến sau vậy”. Sư im lặng mà tính lường nói là: “Việc lớn hành cước này, Duyệt sư ở Thúy nham mà khiến ta diện kiến Sơ Viên ở Thạch sương, thấy đó có được đối với Văn Duyệt có gì ư?” Và liền ngay đó, Sư cụ bị hành trang, đến nửa đường, nghe Từ Minh chẳng tôn thờ, mọi sự khinh thường thiếu Tùng lâm, mới hối tiếc, muốn không, Sư dừng ở lại Bình hương qua nhiều ngày, kết bạn từ Du huyện lên Hành nhạc, dừng nghỉ tại Phước nghiêm. Lão túc Hiệu Hiền Xoa Thủ là người nối dõi Thiền sư Minh An ở Đại dương bảo sư trông coi thư ký. Các bạn Đạo ở Lạc đàm nghe Sư chẳng đến Thạch sương, bèn sai kẻ sứ đến thăm hỏi. Sau đó không lâu Hiệu Hiền thị tịch, mọi người ở quận đề cử Từ Minh thống lãnh Phước nghiêm. Sư trong tâm có chút vui mừng đó, vả lại muốn trông xét người ấy để xét nghiệm lời nói của Văn Duyệt. Khi Từ Minh đã đến, chỉ qua một lần trông thấy mà thâm tâm và dung nghi Sư đều chỉnh túc. Nghe Từ Minh đàm luận phần nhiều chê đập các phương, mà lớp lớp tính cho là kiến giải tà vạy, đều là chỉ quyết do Thiền sư Trùng kín trao, khí sách mà trở về nghĩ nhớ lời nói trước đó của Văn Duyệt. Vụt nhiên biến đổi nói là: “Tâm bậc Đại trượng phu, chỉ khoảng xương sống ấy có thể tự làm nghi ngại ư?” Và liền đi đến nơi phòng thất của Từ Minh mà nói là: “Huệ Nam tôi vì ám độn mê mờ ngăn ngại ngóng trông Đạo chưa thấy, nhờ nghe đêm tham như kẻ mê đi gặp được xe lửa làm chỉ Nam, chỉ Đại từ lại thí pháp

thí khiến hết các nghi còn thừa”. Từ Minh cười, bảo: “Thư ký đã lãnh dẫn đồ chúng vân du các phương, tiếng tăm vang vọng khắp chốn tông lâm. Tiếc có điều nghi chẳng vì suy yếu bị lậu mà vất bỏ. Hãy cùng ngồi mà thương lượt ngó lại chẳng thể ư?” Và Từ Minh sai bảo Thị giả mang giường ghế đến mà mời Sư ngồi. Sư cố từ nhượng, khẩn thiết ai thành càng lắm. Từ Minh nói là: “Thư ký học thiền Vân môn hẳn khéo thông diệu chỉ ấy, như nói buông tha Động sơn ba gậy. Khi ấy Động sơn nên đánh hay không nên đánh?” Sư đáp: “Nên đánh”. Từ Minh đổi thay sắc mặt bảo: “Nghe tiếng ba gậy tức là ăn gậy thì ông từ sáng sớm đến chiều tối nghe các thứ tiếng quạ kêu, chim thước hót, tiếng chuông mõ, trống, bồng cũng nên ăn gậy, ăn gậy lúc nào đáng nên thay?” Sư bèn trừng mắt trông nhìn mà bỏ đi. Từ Minh nói: “Tôi mới nghi, chẳng kham làm thầy ông, nay có thể vậy”. Và sai bảo Sư lễ bái. Sư lễ bái xong đứng dậy, Từ Minh sửa lời nói trước mà bảo: “Nếu như ông hiểu được yếu chỉ của Vân môn, thì Triệu châu đã từng nói “Bà Tử ở Đài sơn bị ta khám phá”. Thử chỉ nơi Triệu châu đã khám phá đó xem?” Sư mặt nóng bừng toát mồ hôi, chẳng biết đáp như thế nào?” Ngày hôm sau sư lại đến đó, lại bị mắng nhục, Sư thẹn thấy chung quanh hai bên mà liền nói: “Chính vì chưa hiểu, mới mong cầu giải quyết. Mắng nhục đâu phải là cách thức của từ bi pháp thí”. Từ Minh cười bảo: “Thế là mắng nhục ư?” Khi ấy Sư thầm tỏ ngộ ý chỉ đó, liền nói thất rằng: “Lạc Đàm (Thiền sư Trừng) quả thật là câu chết!” và dâng bày lời kệ rằng:

*“Tài vượt Tông lâm là Triệu châu  
Lão bà nơi xét không đầu mối  
Mà nay bốn biển trong như kiếng  
Hành nhân chẳng vì đường làm thù”.*

Từ Minh đưa tay chấm chữ “Một” (không) mà ngoáy nhìn lại Sư, Sư liền sửa đổi đó, mà tâm phục huyền diệu vi mật ấy. Dừng ở lại hơn một tháng rồi Sư giả từ mà ra đi. Khi ấy Sư vừa ba mươi lăm tuổi. Sư vân du đến Phương Quảng, sau Động thức tuyên, Đại Đạo lại Đồng Hạ. Tuyên là Phạm hay Thánh chẳng thể lường biết mà cơ biện trội vượt mọi người, tự nhiên võ vào vai Sư mà bảo là: “Ông thoát loại phần châu sâu dày, hãy nên tự vui mừng!”

Năm sau rảo bước đến Kinh châu, Sư bèn gặp Văn Duyệt ở Kim loan, vừa cùng trông thấy, Sư mỉm cười, nói: “Tôi không được là anh bạn và cóc tuyên, sau biết được Từ Minh?” Mùa thu năm đó, Sư trở lại hưởng bắc, riêng một mình và Lạc đàm, mọi tốt lành xưa cũ của Trừng công đều - hết - Từ Vân cư Sư đến Đồng an, Lão túc hiệu là Thần lập,

xét thấy Sư nhọc nhằn lo mọi việc, mới bảo là: “Tôi ở tại núi đã lâu mà không bổ ích gì cho Tông giáo, dám đem mọi việc của viện giao phó cho ông”. Và tướng biết sư nói theo sự thỉnh mời của Thần lập là việc chẳng đáng dừng mà nhận đó. Trừng Công ở Lạc đàm sai vị Tăng đến xét xem sư đề xướng. Sư có nói: “Biển trí không tánh, nhân vì giác vọng mà Thánh phạm, giác vọng vốn hư dối, tức phạm tâm mà thấy Phật. Tiện đó nghĩ đi, nghĩa là Đồng an không chiếc bể hợp tùy sự ước muốn của các người điên đảo. Nam đầu bảy, Bắc đầu tám”. Vị Tăng ấy trở về nêu cử tự như Trừng Công. Trừng Công lấy làm chẳng vui lòng. Bỗng chốc nghe Sư nổi dỗi Thiên sư Sơ Viên ở Thạch sương. Các đạo bạn ở Lạc đàm phần nhiều đều bỏ đi. Ở Quy tông một đêm nọ lửa thiêu cháy hết, bị bắt đưa lên ngục tù, bị các kẻ lại tìm kiến khe hở cả trăm mối, Sư vẫn tự nhiên dẫn tắc bóng mà chẳng vì lụy người, chẳng chẳng ăn mà thôi. Lâu sau được phóng thích, kẻ lại đến ngang ngược, Sư chẳng đếm xỉa chưa từng mở lời. Sinh ở Huỳnh nghịệt tạo lập an tại trên khe đề tên là Tích Thúy, thế rồi bèn lui ở đó mà bảo: “Tôi sắp già suy”. Vừa lúc ấy mọi người ở Giang hồ Môn viết nghe Đạo phong Sư mà có người ở khi ấy cùng nhau giao võ ngựa nghiêng nơi đường, chỉ sợ ở sau đó, chỉ nhàn nhã nhằm chán no nề hẳn lấy làm có thừa. Đến thì bụi ngùi tự mất sắp hàng lớp của đệ tử. Có Cao sĩ Diên Chi nổi dỗi Phan Hưng ở Nam châu từng hỏi về nguyên do ấy. Sư đáp: “Cha nghiêm thì con hiếu. Sự dạy răn của ngày nay là khuôn phép ở ngày sau. Thí dụ như đất, lớn thì hạ xuống, hỏm thì lấp bằng. Kia sắp lên nơi đỉnh cao ngàn nhận, Tôi cũng cùng chung đó, khốn nhọc đến tận dưới chín vực. Tôi cũng cùng chung đó. Tài đến cùng thì vọng hết mà tự giải mở vậy”. Và Sư lại bảo: Ấu yếm đó, ôm ấp đó, do đó mà xuân hạ sinh dưỡng vậy, nhờ sương đó tuyết đó, do đó mà đến thu đông thành thực vậy. Tôi muốn không một lời có được ư?” Và Sư đem tay Phật cẳng chân lừa duyên sinh ấy thế nào là ba lần nói hỏi cùng các học giả, mà chẳng ai có thể khế hợp yếu chỉ ấy. Các chốn Tùng lâm trong thiên hạ gọi đó là ba cửa ải, giả sử như có người đối đáp, Sư không thể chẳng gom mắt ngồi cao, mọi người chẳng lường biết được ý chỉ như thế nào. Diên Chi lại hỏi về nguyên do đó. Sư đáp: “Người đã qua ải lặc cánh tay đi qua, sao biết có Quan lại, lại theo kẻ lại mà hỏi có được chẳng, đó là người chưa thấu cửa ải”. Sư ở Hoàng long, pháp tịch hưng thịnh đáng sánh bằng Mã Tổ ở Lạc đàm, Đại Trí ở Bách trượng.

Đến ngày 17 tháng 03 năm Hy Ninh thứ hai (1069) thời Bắc Tống, Sư thiết đãi Thiên sư Huệ Nhật và hai chuyên sư ở Tứ Tổ, sau khi tan

hội, Sư đứng dậy đến ngồi kiết già trước phòng ngủ, đại chúng nhộm tu bao bọc chung quanh, giây lát sau thì Sư thị tịch. Trước đó một ngày Sư có nói kệ tụng dặn dò. Lại qua sau bảy ngày trà tỳ có được xá-lợi năm sắc, tạo dựng tháp tôn thờ tại ngọn núi chắn trước chùa. Sư hưởng thọ sáu mươi tám tuổi, năm mươi hạ lạc. Đến năm Đại Giám thứ tư (1110) thời Bắc Tống, vua Hy Tông (Triệu cát 1101-1126) truy phong Sư thụy hiệu là “Phổ Giác”.

## **2. Thiên sư Phương Hội ở Dương kỳ.**

Thiên sư Phương Hội ở Dương kỳ, vốn dòng họ Sinh lãnh, người xứ Nghi xuân thuộc Viên châu. Thuở thiếu thời, sư Cảnh Mẫn khôi hài, đàm nói đả kích rất có đạo vị, đến tuổi hai mươi chẳng vui thích theo việc bút nghiên, trốn danh thương thuật, chuyên việc khóa tối, bị không chức đáng phạt, nửa đêm Sư bèn trốn đi đến Cửu phong ở Quân châu, hoảng nhiên như nơi xưa trước đã đi qua, Sư nhìn lại chẳng nhận đi, bèn xuống tóc làm đại Tăng. Xem kinh nghe pháp, tâm thần cứng mạnh hội hợp, hay đau đớn tự cắt đứt, tiết tháo nương tựa dự tham ở các bậc Lão túc.

Bấy giờ Thiên sư Từ Minh ở tại Nam tuyền, Sư đến hổ giúp An lạc cần khổ. Đến lúc Thiên sư Từ Minh chuyển đời sang đạo Ngô Thạch Sương, Sư cũng tự cầu xin nhận lãnh việc quản viện, đó tuy chẳng phải là ý của Thiên sư Từ Minh mà đại chúng bàn luận tạp nhiên xưng tốt lành, cặp áo bông vào vỏ sách vàng, luôn nói khờ khạo xoa phẩy Từ Minh. Các phương lưu truyền lấy làm đáng. Thường lúc cùng cơm xong, Thiên sư Từ Minh đều leo núi, các Thiên giả đến hỏi đạo chẳng biết nơi đâu, Sư dòm ngó Thiên sư Từ Minh đi chưa về, bèn khua trống nhóm tập đại chúng. Thiên sư Từ Minh vội trở về tức giận bảo: “Tùng lâm nhỏ, buổi chiều mà cũng lên giảng tòa ư? Từ đâu mà ông có được khuôn phép này vậy?” Sư từ đáp: “Tại Phần châu buổi chiều cũng có dự tham há cũng là không khuôn phép ư?” Thiên sư Từ Minh không nói gì cả, nên mãi đến nay ở chốn Tùng lâm, Tam bác niệm tụng xong còn có dự tham là phát xuất từ đó vậy.

Đến lúc Thiên sư Từ Minh chuyển đời sang Hưng hóa, nhân đó, Sư giả từ trở về lại Cửu phong, các hàng đạo tục ở Bình thật đến núi thỉnh mời Sư về ở Kỳ dương. Bấy giờ, Trưởng lão Cần Công ở Kỳ dương không biết Sư, kinh ngạc hỏi: “Hội giám tự cũng khéo giỏi Thiên pháp ư?” Sư nhận thiệp hỏi đáp xong mới bảo: “Vậy còn có người nào hỏi câu thoại chẳng? Thử ra cùng diện kiến, ngày nay tánh mạng Dương Kỳ tại trong tay các người mặc tình kéo ngang kéo ngược. Tại sao vậy?”



Đại trưởng phu trẻ con phải ngay giữa chúng chọn lựa, chớ nên lật trái trong đất tợ nước dưới đáy đặt để Hồ lô, phải đối trước đại chúng khám nghiệm xem có chằng, nếu không thì Dương kỳ mất lợi”. Nói xong, Sư xuống khỏi tòa. Cần Công nắm đứng lại và bảo: “Ngày nay tạm mừng được cái đồng tham”. Sư hỏi: “Đồng tham đến việc, làm sao sống?” Cần Công đáp: “Dương Kỳ kéo cày, Cửu Phong kéo bừa”. Sư hỏi: “Chánh ngay lúc nào Dương Kỳ ở trước hay Cửu Phong ở trước?” Cần Công im lặng không nói. Sư rập lấy đó mở bảo: “Sao gọi là Đồng tham mà trước nay chẳng vậy?” Từ đó, tiếng tăm của Sư vang vọng khắp các phương.

Sư chỉ bảo đại chúng rằng: “Không thấy một pháp là hỏa hoạn lớn”. Xong, Sư nắm lấy gậy chống mà tiếp bảo: “Xỏ qua lỗ mũi của Thích-ca và Lão Tử. Vậy làm sao sống, nói một câu thoát thân xem? Đến nước chẳng tẩy rửa nơi nước. Nói đem lại một câu”. Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: “Nói vừa rồi chẳng đi đường dưới núi, quả nhiên là nghe tiếng vược kêu đứt ruột”. Và Sư lại tiếp bảo: Hết thầy trí thông không chướng ngại”. Xong, Sư lại dựng đứng gậy chống, tiếp bảo: “Cây gậy này hướng đến trước mặt các ông mà trình bày thân thông đi”. Rồi, Sư ném bỏ cây gậy mà bảo: “Ngay được đất trời xé rách, núi non lay động. Hiểu ư? Chẳng thấy đạo Nhất thiết trí trí tịnh”. Xong, Sư vỗ vào thắt sườn mà bảo: “Ba mươi năm sau chớ nói Kỳ dương đầu rồng đuôi rắn”. Sư Đề cương chán lãnh đại loại như Vân môn” Sư lại hỏi vị Tăng vừa đến rằng: “Mây sâu đường hẹp, giá cao từ đâu lại?” Vị Tăng ấy đáp: “Trời không bốn vách tường”. Sư hỏi: “Đạp phá đã hết bao nhiêu đôi giày cỏ?” Vị Tăng ấy bèn hét. Sư hỏi: “Một tiếng hét hai tiếng hét, sau đó làm sao sống?” Vị Tăng ấy nói: “Trong lão Hòa thượng này rất là bận rộn”. Sư bảo: “Cây gậy chẳng có ở đây, hãy tạm ngồi uống trà!” Và Sư hỏi lại vị Tăng ấy rằng: “Đống lá rơi, mây sáng sớm lìa xứ nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Quán Âm”. Sư hỏi: “Dưới gót cẳng chân Quán Âm một câu làm sao sinh, nói?” Vị Tăng ấy đáp: “Vừa lại cùng thấy xong”. Sư nói: “Cùng thấy việc đến cùng làm sao sống?” Vị Tăng ấy không trả lời. Sư bảo: “Thượng tọa thứ hai thay tham đầu nói xem”. Vị Tăng ấy cũng không đối đáp. Sư bảo: “Đây kia cùng đốt đặt”. Sư khám nghiệm bén nhọn, căn cơ lại đồng loại như Nam viện. Năm Khánh Lịch thứ sáu (1046) thời Bắc Tống, Sư chuyển dời sang núi Vân cái ở Đàm châu, đem chánh phái Lâm Tế giao giữ giềng mối.

### **3. Thiên sư Khả Chân ở Thúy nham.**

Thiên sư Khả Chân ở Thúy nham tại Hồng châu, vốn người xứ Phước châu. Sư từng dự tham Thiên sư Từ Minh. Nhân đến nơi Thị giả



Đồng Thiện ở Kim loan kiết hạ an cư. Đồng Thiện là đệ tử cao túc của Thiền sư Từ Minh, Thiền sư Chân ở Đạo ngô, Thiền sư Phương Hội ở Dương kỳ thủy đều suy phục đó. Sự tự phụ mình đã thân gần diện kiến Thiền sư Từ Minh, trong thiên hạ không ai đáng cần chú ý vậy. Đồng Thiện cùng đàm nói nên biết Sư chưa thấu triệt bèn cười đó. Một ngày nọ đi núi, nêu cử luận bàn bèn nhảy cùng phát, Đồng Thiện mới nhặt lấy một mảnh gạch sỏi đặt để trên tảng đá mà bảo: “Nếu hướng vào dưới ấy mà được một câu chuyển đổi, thì hứa thật ông đã thân gần diện kiến Thiền sư Từ Minh”. Sư trông nhìn hai nên phải trái phỏng muốn đối đáp, Đồng Thiện bèn quát hét: “Dứt nghĩ dừng có tình thức chưa thấu, sao từng mộng thấy?” Khi ấy, Sư tự thẹn sợ bèn liền trở về Thạch sương. Thiền sư Từ Minh trông thấy Sư đến liền quát la rằng: “Bản sắc người hành cước phải biết thời tiết. Có vị gì gấp lăm trong lúc chưa mãn hạ mà vội đến đây?” Sư khóc mà thưa là: “Bị Sư huynh Đồng Thiện dùng tâm xấu độc trọn làm lấp hại người, nên lại cầu khẩn Hòa thượng”. Thiền sư Từ Minh hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Không mây mọc trên đỉnh, có trăng rơi sóng tâm”. Thiền sư Từ Minh tức giận trừng mắt, hét và bảo: “Bạc đầu răng long còn làm cái kiến giải ấy, làm sao thoát khỏi được sinh tử?” Sư kinh sợ mong cầu chỉ bày. Thiền sư Từ Minh bảo: “Vậy ông hãy hỏi ta”. Sư bèn sửa lời trước mà hỏi; Thiền sư Từ Minh chấn động phát tiếng đáp: “Không mây mọc trên đỉnh, có trăng rơi sóng tâm”. Ngay lời nói ấy, Sư bèn đại ngộ Sư sáng khí vượt ra, có biện nhanh nhẹn, khắp chốn Tùng lâm mọi người đều kính sợ đó.

Sư ở tại Thúy nham, một ngày nọ, có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Đồng hằm hố không khác đất”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vực lại?” Sư đáp: “Cày sâu gieo cạn”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi người học chuyển thân?” Sư đáp: “Một đở tường trăm đở điều”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi người học dốc lực?” Sư đáp: “Chở củi ngàn ngày, thiêu đốt một ngày”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi người học thân thiết?” Sư đáp: “Lấn lộn nhà dăng lên vượt đầu thuyền”. Lại hỏi: “Thế nào là một câu lợi người, xin Sư chỉ bày?” Sư đáp: “Ổnh ương ba chân bay nhảy lên trời”. Lại hỏi: “Thế nào là thôn trước tuyết sâu, trong đêm qua một cành mai nở?” Sư đáp: “Đói gặp cỗ tiệc vua còn chưa dám tự ăn”. Lại hỏi: “Thế nào là Đạo?” Sư đáp: “Ra cửa liền thấy”. Lại hỏi: “Thế nào người trong đạo?” Sư đáp: “Vác gông cùm qua trạng”.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Các bậc Tiên đức nói việc này

như đốt văn rùa, đốt tức thành điềm, không đốt tức thành lụt. Đốt và không đốt ngay đó bèn nắm nặn. Thượng Lam tức chẳng vậy. Vô cơ không hẳn, ngựa chạy giữa hư không, đi thuyền trên đất nắng hạn. Nam sơn nổi mây, Bắc sơn mưa đổ”. Rồi Sư nắm chiếc gậy chống mà bảo: “Cây gậy biến làm thiên hạ tướng quân giẫm trải khắp bốn thiên hạ, có thủ tiết chẳng thủ tiết, có giới hạnh không giới hạnh, đồng một lúc tấu trình đến Thiên Đế Thích”. Xong, Sư tiếp hét một tiếng và bảo: “Là Trượng phu nên tự có chí xung thiên, chớ hướng đi theo nơi Đức Như Lai đi”. Và Sư gõ xuống một cái. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử bài tụng của Long Nha là:

*“Học đạo như dùi lửa  
Gặp khói chưa thể ngừng  
Thẳng đợi kim tinh biến  
Về nhà mới đến đầu”.*

Thần Đảnh lại nói bài tụng là:

*“Học Đạo như dùi lửa  
Gặp khói liền ngưng ngay  
Chớ đợi kim tinh biến  
Thieu chân lẩn đốt đầu”.*

Sư bảo: “Nếu luận về Đốn thì Long Nha chánh tại giữa đường, nếu bàn về Tiệm thì Thần đảnh cón ít ngộ. Lúc đó, lại nên như thế nào? Chư nhân giả, năm nay có nhiều lá rụng, nơi nào quét về nhà?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Vào trộm chống kháng địch thù không sợ sống chết là đồng khí của tướng quân. Vào núi chẳng sợ hổ hủy là đồng khí của người săn bắn. Vào nước chẳng sợ giao long là đồng khí của ngư ông, vậy làm sao sống là đồng khí của nạp Tăng?” Sư bèn nắm lấy cây gậy tiếp bảo: “Cái này là cây gậy, nhón được, nắm được, lay động được thì cả ba ngàn đại thiên thế giới đồng một lúc lay động. Nếu nhón không được, nắm không được, lay động không được thì Văn Thù tự Văn Thù, giải thoát tự giải thoát. Hãy tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu bày có vị Tăng hỏi Ba Lăng rằng: “Thế nào là đạo?” Ba Lăng đáp: “Người sáng mắt rơi xuống giếng”. Vị Tăng lại hỏi Bảo Ứng: “Thế nào là đạo?” Bảo Ứng đáp: “Năm con chim phụng trước lầu”. Vị Tăng ấy lại hỏi Thủ Sơn: “Thế nào là đạo?” Thủ Sơn đáp: “Dưới cẳng chân sâu ba thước”. Ba chuyển ngữ ấy, một câu là vách tường dựng đứng ngàn nhận, một câu là đi thuyền trên đất liền, và một câu là khách chủ cùng tham lẫn lộn. Các người chớ có chọn lựa được ư? Đưa ra nói xem. Nếu không thì tạm thực hành hạnh từ của La-hán phá dứt kết tặc, thực hành

hạnh từ của Bồ-tát an ủy chúng sinh, thực hành hạnh từ của Như Lai mà chứng đắc đến cùng”. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Hiện Thánh chứng đắc Ngũ thông”. Lại hỏi: “Người học không hiểu”. Sư đáp: “Chiếc lưới dài đến Phạm thiên”.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư hiện tướng bệnh tật rất lao khổ, trải chiếu cỏ nằm nơi đất, xoay chuyển không khoảnh khắc ngưng nghỉ. Thị giả Triết buồn khóc mà nói là: “Lúc bình sinh chê Phật mắng Tổ, nay làm sao mới vậy?” Sư nóng bừng trông nhìn mà quát bảo là: “Ông cũng làm kiến giải ấy ư?” Và Sư liền vùng dậy ngồi kiết già, bảo thị giả xông đốt lò hương, khói hương vừa bèn, sư bèn tịch.

#### 4. *Thiền sư Giác Hải ở Tán nguyên.*

Thiền sư Giác Hải ở Tán nguyên tại Tương sơn, vốn người xứ Nghĩa ô thuộc Vụ châu, dòng họ Phó; là con cháu của Đại sĩ Phó. Xưa trước tu tập chủng trí, tùy nguyện xuất hiện nơi đời, song thân được cảm điềm lành, khắp thôn xóm đều xưng gọi khác lạ. Năm ba tuổi Sư xuất gia, năm bảy tuổi, Sư làm Tăng. Năm mười lăm tuổi, Sư vân du xa đến Thạch sương lên nơi Trượng thất. Thiền sư Từ Minh chỉ lần đầu trông thấy, liền bảo: “Tốt, khéo đến chuồng, xướng!” Sư bèn làm tiếng lừa kêu. Thiền sư Từ Minh bảo: “Thật đúng là pháp khí”. Và bèn bảo làm Thị giả. Trong suốt hai mươi năm, Sư gánh nước bỏ củi, chẳng ngại sợ nắng mưa, dốc hết tâm thân gần cầu đạo. Sau ra giữa đời, Sư dừng ở tại Tô đài, Thiên phong, Long hoa, Bạch vân. Phủ soái thỉnh mời Sư đến ở nơi Đạo tràng của Chí Công. Sư nêu bày giềng mối tông yếu, có biện nhanh nhẹn, hành giải tương ứng, mọi người ở các phương vô cùng suy phục. Thừa tướng Vương Công An Thạch kính trọng đức hạnh lớn lao của Sư, đặc biệt tấu trình phong tặng Sư hiệu. Và ông lại kiên quyết từ chối đánh tịch, lập am trong núi Định thủy, cùng Sư thông dong dưới rừng, đàm nói trọn ngày. Ông tặng sư bài tụng rằng:

*“Chẳng cùng vật trái đạo thật lớn  
Thường tùy duyên khởi từ Thiền sâu  
Thiện căn đã sạch ai phá được  
Vết chân như không ta được tìm”.*

Đó cũng là một việc thấu suốt sự đời hiếm có vậy. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là gia phong của Hòa thượng?” Sư đáp: “Vách tường Đông đánh vách tường Tây”. Lại hỏi: “Có khách đến làm sao mà tiếp đãi?” Sư đáp: “Củi trên núi, nước trong giếng”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?” Sư đáp: “Thai lừa bụng ngựa”. Lại hỏi: “Lỗ Tổ đối mặt vào vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Việc trú trì thật bề

bộn”. Lại hỏi: “Thế nào là Đại Thiện tri thức?” Sư đáp: “Giết trâu mổ dê”. Lại hỏi: “Vì sao như vậy?” Sư đáp: “Nghiệp tại trong đó”.

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Cái này nếu là như hổ mang sừng, cái này nếu chẳng như vậy thì gọi là gì?” Ngừng gậy lát, Sư lại bảo: “Nuôi lừa nuôi ngựa. Trân trọng”.

Đến năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086) thời Bắc Tống, Sư thị tịch. Thừa tướng Vương Công thương khóc đến nơi tháp, có làm bài tụng tán thán Sư chân rằng:

*“Hiền thiện thay một người  
Tinh tấn mà lặng lặng  
Biết lời mà hay im  
Ngợi khen chẳng làm mừng  
Hủy nhục chẳng vì buồn  
Chẳng căng và chẳng khấc  
Mọi người tự xưng đức  
Có Tăng và có tục  
Đến từ khắp Nam Bắc  
Chẳng thuận cũng chẳng nghị  
Chẳng chống và chẳng ép  
Chẳng Quán và chẳng Hoa  
Chỉ ăn mà đã thật  
Ai người nối dõi đó  
Ta có khuôn phép đây”.*

#### **5. Thiền sư Sơn Chính ở Võ tuyền.**

Thiền sư Sơn Chính ở Võ tuyền tại Thụy châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Áo thành người, nước thành ruộng”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trên pháp tịch Hoàng Mai, đại chúng có cả ngàn người, trao pháp truyền y đích thực phòng ngại hành giả. Phải thì mặt Nhật mọc ở phương Tây, quấy thì mặt nguyệt lên tại phương Đông. Tham”.

#### **6. Thiền sư Tĩnh Hồi ở Song phong.**

Thiền sư Tĩnh Hồi ở Song phong tại Nam nhạc. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người Nam phiêu đi thuyền, người bờ Bắc lay bè, Ba Tư và Đại Đường, núi Tu-di múa vũ. Là nói năng gì?” Đến ngày 17 tháng 09 năm Nguyên Phong thứ sáu (1083) thời Bắc Tống, Sư cạo đầu, tắm gội, giả biệt đại chúng, làm kệ tụng rằng:

*“Suốt chín mươi hai năm  
Rõ ràng đối chúng nói*

*Xa suốt tan mây lạnh  
Cửa mở trắng tàn qua”.*

Nói xong, Sư bèn ngồi mà thị tịch, đến lúc trà tỳ, răng và cốt đánh không rã hoại, phía trên có ánh sáng năm sắc khác lạ.

**7. Thiền sư Đạo Khoan ở Đại ninh.**

Thiền sư Đạo Khoan ở Đại ninh tại Hồng châu. Có vị Tăng hỏi: “Tôn giả Ca-diếp thấy chư Phật là thấy cái gì? Mà Đức Như Lai vừa nắm cành hoa liền mỉm cười?” Sư đáp: “Nhẫn tuấn chẳng cảm”. Lại hỏi: “Đơn Hà thiêu đốt Phật gỗ, vị chủ vì sao mà mây râu đều rơi rụng?” Sư đáp: “Giặc chẳng đánh con nhà nghèo”. Lại hỏi: “Đã là một chân pháp giới, cơ sao lại có ngàn sai muôn khác?” Sư đáp: “Rễ sâu lá tốt”. Vị Tăng ấy vừa đánh trống vòng tròn vừa hỏi: “Lại còn có ra được cái này không?” Sư đáp: “Khéo đùa thành vụng”. Lại hỏi: “Thế nào là trước ba ba, sau cũng ba ba?” Sư đáp: “Số chín chẳng đến chín”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Điểm trà phải là trăm sôi vọt”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế?” Sư đáp: “Uống hết chớ chừa cặn”.

Có vị Tăng đến nơi phòng thất Sư mà hỏi: “Thế nào là trâu trắng nằm giữa đường?” Sư nắm gân lửa cắm vào lò lửa và bảo: “Hiểu không?” Vị Tăng ấy nói: “Không hiểu”. Sư bảo: “Đầu chẳng thiếu, đuôi chẳng thừa”. Ngày sư ở tại Đồng an, có vị Tăng đến hỏi: “Đã là Đồng an cơ sao lại có vị Tăng cảm bệnh mà thị tịch?” Sư đáp: “Bố thí chẳng như lại liền trách”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thiếu lâm diệu quyết, gia phong của chư Phật xưa trước, ứng dụng tùy cơ, nắm buông tự tại, như nắm tay trong lòng bàn tay mở hợp có lúc, tợ nước thành bọt bóng, nổi tan không định, động tình đều hiểu biết, nói nín toàn rành rõ, muôn dụng tự nhiên chẳng nhọc tâm lụy, đến trong đó gọi là thuận theo nước thả thuyền. Hãy tạm nói ngược gió đất mái chéo ai là kẻ khéo tay?” Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Đùa bỡn với sóng nước phải là người đùa bỡn sóng nước”. Và Sư hét một tiếng, bảo: “Trân trọng”.

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Vô niệm là Tông, vô trú làm bản, chân không làm thể, diệu hữu làm dụng. Do đó nói: “Khấp đại địa là chân không, khấp pháp giới là diệu hữu. Hại tạm nói người nào dùng được? Vận dụng cả bốn mùa, nhật nguyệt sáng tỏ lâu dài. Pháp vốn không dời đổi, đạo không nơi chốn, tùy duyên tự tại, theo vật chẳng trầm. Cõi này xứ nọ, vào phàm ra Thánh, tuy là như vậy, nhưng hãy nói một câu vào lòng tùy tập tục, làm sao mà sống, nói?” Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Trời Tây gọi là tiếng Phạm, phương này gọi là tiếng Trung Hoa thời Tiên Đường”.

### 8. Thiên sư Ngô Chân ở Đạo ngô.

Thiên sư Ngô Chân ở Đạo ngô tại Đàm châu. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nhật nguyệt xưa nay, núi sông vẫn như cũ. Nếu rõ được đi thì mười phương chư Phật-già-phạm đồng một môn Niết-bàn. Nếu rõ không được thì khinh hủy kinh ấy nên cảm mắc tội như vậy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Sư tử con gầm rống, Long mã con nhảy cẫng, trong kiếng Phật xưa sáng tỏ ba núi ánh trăng lẻ sáng ngời”. Rồi Sư bèn làm thế hát múa và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Động sơn nói là: “Trên núi Ngũ đài mây ùn cơn, trước thêm điện Phật nước giải chợ trời, trên đầu sát can đốt chùy tử, ba con Hồ tôn đêm rây tiền”. Lão Tăng đây tức chẳng vậy, ba mặt lý nô căng chân đạp nguyệt, hai đầu trâu trắng tay vốc khói, đội mào thỏ biếc đứng nói sân cây bách, cỡi vỏ quạ rùa bay lên trời. Lão Tăng chỉ là dây sấn bị các người trông nhìn phá hết vậy. Động Sơn Lão nhân rất là kỳ đặc. Tuy là như vậy, chỉ đi được ba bốn bước. Vả lại chẳng qua bả nhảy tám nhảy. Hãy nói lừa dối ở tại nơi nào? Ngày nay Lão Tăng chẳng tiếc lông mày đồng một lúc bố thí: “Ngừng giây lâu, Sư lại bảo: “Đình ninh góp đức ông, không lời thật có công, mặc tình biển xanh biển, trọn chẳng vì ông thông”. Có người hỏi: “Ngưng nhiên bèn có lúc hiểu thì thế nào?” Sư đáp: “Trên đuôi chuột già đeo dùi nghiên”. Lại hỏi: “Thế nào là Thế của chân như?” Sư đáp: “Dạ xoa quy gối trông mắt đen”. Lại hỏi: “Thế nào là dụng của chân như?” Sư đáp: “Chày Kim cang đánh núi sắt nát vụn”. Lại hỏi: “Thế nào là Thường chiếu?” Sư đáp: “Kim bén trên núi Tu-di”. Lại hỏi: “Thế nào là Tịch chiếu”. Sư đáp: “Nước biển trong lông mày”. Lại hỏi: “Thế nào là xưa nay vốn chiếu”. Sư đáp: “Nhảy nhót trong giày cỏ”. Vì Tăng ấy rút lui. Sư bảo: “Tịch chiếu thường chiếu xưa nay chiếu, dưới đáy giày cỏ thường nhảy nhót, gập gập kim bén trên núi Tu-di, nước trong lông mày thường giàn giụa”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Động đình không ngăn che”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Lúa chín trước núi, Lô lăng gạo có giá, Trấn châu la phục lại có một loại”. Ngưng giây lát, Sư lại bảo: “Lúc hái rau và rế trong đồng hoang để nấu, lại che củi tươi mang lá đốt”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người xưa nói nhận chấp như trước lại chẳng phải, thật khó hiểu, đất xưa buông xuống râu tóc nhiều. Ba Tư mắt sâu lỗ mũi lớn rất là quái lạ, bỗng nhiên thấu qua biên giới của Tân La”. Rồi Sư hỏi một vị Tăng: “Từ xứ nào lại?” Vị Tăng ấy đến gần phía trước chẳng xem xét. Sư bảo: “Nhà đông làm lừa nhà Tây làm ngựa”. Vị Tăng ấy hỏi: “Qua ở xứ nào?” Sư đáp: “Muôn dặm nhai châu”.



Sư trong thân thể không được bình an, có vị Tăng hỏi: “Những ngày gần đây, tôn vị Hòa thượng như thế nào?” Sư đáp: “Cháo cơm đầu chẳng rõ việc”. Vị Tăng ấy im lặng không nói gì, Sư kêu chỉ xuống một cái. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Phổ hóa sáng cũng đánh tối cũng đánh, đây vải ngang suốt dọt cũng suốt. Thạch thất hành giả đập cối giả, nhân gì quên ngay dưới cẳng chân?” Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Đệ nhất Huyền?”. Sư đáp: “Thích Tôn ánh sáng bắn vào vai A-nan”. Lại hỏi: “Thế nào là Đệ nhị Huyền?” Sư đáp: “Trăng lẽ, muôn tượng nhóm”. Lại hỏi: “Thế nào là Đệ tam huyền?” Sư đáp: “Khóc đến khô tang rướm nước mắt”. Lại hỏi: “Thế nào là Đệ nhất yếu?” Sư đáp: “Rất đẹp tinh lệ chiếu”. Lại hỏi: “Thế nào là Đệ nhị yếu?” Sư đáp: “Điện chớp đất trời tỏa sáng ngời”. Lại hỏi: “Thế nào là Đệ tam yếu?” Sư đáp: “Cặp đường, tùng xanh già”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: Có vị Tăng hỏi Thủ Sơn: “Thế nào là Phật?” Thủ Sơn đáp: “Vợ mới cưới lừa nhà ai kéo”. Sư bảo: “Tay đè lỗ mũi chân đạp đuôi, ngửa mặt nhìn trời nghe nước chảy, trời sáng đưa ra bên cạnh đường. Đêm lắng lại về trong am tranh”.

### **9. Thiên sư Bảo Tâm ở Tương sơn.**

Thiên sư Bảo Tâm ở Tương sơn. Có vị Tăng hỏi: “Lúc vắng trăng chưa tròn thì thế nào?” Sư đáp: “Theo số dẫn đi?” Lại hỏi: “Sau khi đã tròn thì thế nào?” Sư đáp: “Đảo ngược số dẫn lại”. Lại hỏi: “Thế nào là thổi lông kiếm?” Sư đáp: “Sơn đen bày trụ”. Lại hỏi: “Hai chữ sắc, thế nào thấu được?” Sư đáp: “Một tay xoa thổi, một tay tát đánh”.

### **10. Thiên sư Duy Chính ở Bách trượng.**

Thiên sư Duy Chính ở Bách trượng tại Hồng châu, lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hòa thượng Nham Đầu dùng ba văn tiền đòi lấy được con vợ chỉ biết mò cua vớt kiến, cốt yếu lại chẳng biết sinh con dưỡng cái, thẳng đến ngày nay, môn phong tuyệt dứt. Đại chúng cần biết vợ của Khoát Công ư? Ngày nay Bách Trượng chẳng tiếc môi mép, cùng các người chú phá đó. Mai bỗng thoa kính đời hiếm có, quần vải còn là áo thời gả chồng”. Có vị Tăng hỏi: “Lúc Ngư đầu chưa thấy gặp Tứ Tổ cố sao trăm chim ngậm hoa dâng?” Sư đáp: “Có tiền ngàn dậm thông”. Lại hỏi: “Sau khi thấy gặp rồi cố sao chim chẳng ngậm hoa dâng?” Sư đáp: “Không tiền cách vách điếc”. Lại hỏi: “Đạt-ma lúc chưa đến thì thế nào?” Sư đáp: “Sáu lần sáu là ba mươi sáu”. Lại hỏi: “Sau khi đã đến thì thế nào?” Sư đáp: “Chín lần chín là tám mươi một”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vực lại?” Sư đáp: “Một nhĩ mọc đầy cây”. Lại hỏi: “Hết thấy các pháp đều là Phật pháp, ý chỉ



ấy như thế nào?” Sư đáp: “Dưới một lớp núi một lớp người”. Lại hỏi: “Trên thực hành dưới tập học chưa là tác gia, quay lưng với Sở đến với Ngô mới là Đạt sĩ, há chẳng là Hòa thượng nói ư?” Sư đáp: “Đúng vậy”. Lại hỏi: “Thế nào là tài vật của cha mà con xài dùng?” Sư bảo: “Ông thử dùng xem”. Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn đánh.

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thiên thai mời thỉnh người người biết có, Nam Nhạc đi núi lại làm sao sống? Hiểu thì lồng đèn cười các ông, còn không hiểu thì có mắt vẫn như mù”.

#### **11. Thiên sư Uẩn Lương ở Hương sơn.**

Thiên sư Uẩn Lương ở Hương sơn tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là câu Thấu pháp thân?” Sư đáp: “Trên đầu sát can ba đài múa”. Lại hỏi: “Thế nào là câu dẫn tiếp sợ cơ?” Sư đáp: “Lên người lớn”. Lại hỏi: “Thế nào là câu cuối cùng?” Sư đáp: “Dưới rừng Sa-la”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi người học chuyển thân?” Sư đáp: “Mài sát trong phùng”. Lại có lúc lên giảng đường, ngừng giây lát, Sư cười lớn: “Ha, ha” rồi bảo: “Cười cái gì? Cười chim hồng học vút bay giữa trời, quạ rùa đáy nước đuổi cá con, ba cái Lão bà sáu vú sữa, Kim cang trên lưng chín như bùn, A, ha, ha! Biết hay không biết? Thôn đông, Trần đại kỳ. Tham”.

#### **12. Thiên sư Duy Quảng ở Nam phong.**

Thiên sư Duy Quảng ở Nam phong tại Tô châu, lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một hỏi một đáp như chuông ngâm hưởng tự hang cốc ứng tiếng. Bởi vì việc đã chẳng được, hãy đến trong cửa kiến hóa buông một đường chỉ, nếu y cứ theo môn hạ của nạp Tăng thì đất trời sai khác. Hãy nói nạp Tăng có nơi nào lớn mạnh?” Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Trợn ngày tìm không được. Có lúc tự nhiên lại. Ôi”.

#### **13. Thiên sư Đức Càn ở Đại quy.**

Thiên sư Đức Càn ở Đại quy tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vực đến?” Sư đáp: “Nước từ trên núi tuôn ra”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy thế nào?” Sư đáp: “Khe hang đâu có thể ngăn giữ”. Và Sư mới bảo: “Hoa núi tự gấm, Văn Thù khua đặt trong trông mắt, chim rừng miên man, Quán Âm bít liền lỗ tai. Các nhân giả lại nghĩ lường cái gì? Đêm hôm qua vào canh ba ngủ chẳng được, vụt mình chợt bắt được Phổ Hiền biếm đưa đến trong nước vô sinh. Đến khi tỉnh giấc thì trời sáng. Sáng nay lại gặp gỡ các ông nói lại chuyện mộng. Ý là nói thế nào?” Rồi Sư bèn chống tích trượng mà xuống khỏi tòa.

#### **14. Thiên sư Bản Ngôn ở Linh sơn.**

Thiên sư Bản Ngôn ở Linh sơn tại Toàn châu. Có vị Tăng hỏi:

“Thế nào là Phật?” Sư bảo: “Ai dạy ông hỏi như thế?” Vị Tăng nói: “Ngày nay khởi động Hòa thượng vậy”. Sư bảo: “Cảm tạ ông phỏng hỏi đến”.

### 15. Thiên sư Nguyên ở Quảng pháp.

Thiên sư Nguyên ở Quảng pháp tại An cát châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Mãnh ngoái đầu gạch”. Lại hỏi: “Lúc trong ồn ào lấy được sự yên tĩnh thì thế nào?” Sư đáp: “Oán chẳng thể hết”. Lại hỏi: “Thế nào là mắt chánh pháp?” Sư đáp: “Dưới lông mày”. Lại hỏi: “Tiện lúc cùng gì tụ hội thì thế nào?” Sư đáp: “Con người cười gât đầu”. Lại hỏi: “Thế nào là việc hưởng thượng?” Sư đáp: “Nhật, nguyệt, tinh thần”. Lại hỏi: “Thế nào là việc hưởng hạ?” Sư đáp: “Địa ngục vạc sôi”. Lại hỏi: “Lúc muôn dặm không mây thì thế nào?” Sư đáp: “Khỉ chịu đói”. Lại nói: “Xin Sư cứu giúp!” Sư bảo: “Lửa màu sắc gì?” Lại hỏi: “Người xưa nắm đùi nâng phát trần, ý chỉ ấy thế nào?” Sư đáp: “ban ngày người không rãnh”. Lại hỏi: “Thế nào là đảm nhận lấy?” Sư đáp: “Như gió thổi qua tai”. Lại hỏi: “Lúc rút kiếm ngang ngực thì thế nào?” Sư đáp: “Quạ già thành đàn”. Lại nói: “Chánh là nơi Hòa thượng thấy”. Sư bảo: “Rắn xuyên qua lỗ mũi”. Vị Tăng ấy bèn phẩy tay áo mà đi ra. Sư bảo: “Đại chúng cùng gặp”. Lại hỏi: “Từ trước các Thánh đến nơi nào thì đi giày?” Sư đáp: “Đường thông bốn hướng”. Lại hỏi: “Cùng gì bại khuyết?” Sư đáp: “Biết ông chẳng đến ruộng đất ấy”. Lại hỏi: “Sau khi đã đến thế nào?” Sư đáp: “Ở nhà thường uống trà ăn cơm”. Lại hỏi: “Ý tổ và ý của giáo điển là đồng hay khác?” Sư đáp: “Gừng khô trao cho con”. Lại hỏi: “Cho gì thì chẳng đồng?” Sư đáp: “Mảnh băng nắm tuyết”.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mưa xuân nhỏ nhỏ đầu rèm nước giọt, nghe tiếng chẳng hiểu, về nhà xoay mặt vách tường”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nếu luận về Đại đạo trực giáo thì Trử sơn không nơi mở miệng. Vậy các người thử mở miệng xem”. Có vị Tăng liền hỏi: “Thế nào là Đại đạo?” Sư đáp: “Vác không nổi”. Lại hỏi: “Vì sao vác không nổi?” Sư đáp: “Đại đạo”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nếu luận về việc này thì chớ nói dính kẹt. Nói dính kẹt thì đầu mọc sừng”. Có vị Tăng hỏi: “Cơ sao đầu mọc sừng?” Sư đáp: “Việc họa”. Vị Tăng ấy nói: “Con mắc lỗi quá”. Sư bảo: “Đầu rồng đuôi rắn. Cúi mong trân trọng”.

Chiều ngày 12 tháng 10 năm Nguyên Phong thứ tám (1085) thời Bắc Tống. Bỗng nhiên, Sư viết bài kệ rằng:

*“Mai tuyết râu sương chín chín năm (99)”*

*Nửa vai áo nạp hết các duyên  
Vụt nhiên cười chỉ mây nổi tan  
Thở ngọc tỏa sáng chiếu muôn phương”.*

Xong, Sư bèn ném bút mà thị tịch.

### **16. Thiền sư Đức Chương ở Linh ẩn.**

Thiền sư Đức Chương ở Linh ẩn, mới đầu Sư ở tại viện kinh Tạng tại phía Tây chùa Đại tướng quốc. Ngày mồng 01 tháng 09 năm Khánh Lịch thứ tám (1048) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông (Triệu Trinh) ban sắc chiếu mời Sư đến dự trai hội tại dưới các Diên xuân. Tuyên bảo Thiền sư Phổ Chiếu hỏi: “Thế nào là một câu đương cơ?” Sư đáp: “Một lời vụt tuôn ngoài trời xanh, muôn nhận trước núi đi nơi hiểm”. Lại hỏi: “Làm sao sống là đi nơi hiểm?” Sư bèn hét. Thiền sư Phổ Chiếu bảo: “Trước mặt Hoàng đế sao được như vậy?” Sư nói: “Cũng chẳng được buông thả qua”. Năm sau, vua lại tuyên cáo mời Sư vào nội cung dự trai hội, và bảo Thiền sư Phổ Chiếu hỏi: “Thế nào là đoạt lấy người mà không đoạt lấy cảnh?” Sư đáp: “Sấm kinh động, cỏ mịn đâm mọc mầm, núi cao bước tới chớ chậm rờ”. Lại hỏi: “Thế nào là đoạt lấy cảnh mà không đoạt lấy người?” Sư đáp: “Đội sừng mang lông khác lạ qua lại tung hoành”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt lấy?” Sư đáp: “Ra cửa ngoài trời xoay dòng sáng ảnh chẳng thật”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt lấy?” Sư đáp: “Rừng lạnh không khách nghỉ lại, biển lớn nghe rỗng ngậm”. Sau vài ba phen mời vào điện hóa thành dự trai hội, tuyên bảo Thiền sư Thủ Hiền hỏi: “Trai hội thiết lập lớn, làm sao báo đáp ân Thánh quân?” Sư đáp: “Giữa không trung tìm dấu chim”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Dưới nước tìm tăm cá”. Sư có dâng vua bài ca tâm châu rằng:

*“Tâm như ý, tâm như ý,  
Nhậm vận tùy duyên trọn chẳng lìa  
Chỉ biết chớ hướng cầu bên ngoài  
Cầu bên ngoài trọn chẳng thật  
Uống dụng công phu ẩn chân lý  
Thức tâm ngọc sáng như mặt nhật  
Ẩn tàng sâu, kín không hình chất  
Nhón lại trong tay mọi người sợ  
Nhị thừa tinh tấn tranh tài lờng  
Mắt biếc sao phải chỉ ra  
Gặp cơ, diệu dụng nào từng mất.  
Tâm thường rất kỳ cho người xem*

*Núi sông đất liền động nguy hiểm”.*

Năm Hoàng Hựu thứ hai (1050) thời Bắc Tống. Sư xin trở về rừng núi dưỡng lão, vua Nhân Tông phê sắc Sư đến trú trì chùa Linh ẩn ở Hàng châu phong tặng Sư hiệu là “Minh Giác”.

**- ĐỆ TỬ NỔI DŨI THIÊN SƯ GIÁC Ở LANG DA.****1. Thiên sư Siêu Tín ở Định tuệ.**

Thiên sư Siêu Tín - Hải ấn ở Định tuệ tại Tô châu, vốn người xứ Quế châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Sương nguyên gây trúc lan lỗ”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Cành cành mang vết lẹ”. Lại hỏi: “Thế nào câu thứ nhất?” Sư đáp: “Na-tra tức giận”. Lại hỏi: “Thế nào là câu thứ hai?” Sư đáp: “Nạp Tăng không bày biện”. Lại hỏi: “Thế nào là câu thứ ba?” Sư đáp: “Trời Tây đất đây”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Rắn bùn cắn ba ba đá, Lộ trụ kêu ty ty. Tu-di đánh một gậy, Lão quê cười ha ha. Tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nếu biết Bát-nhã tức bị Bát-nhã trói buộc. Nếu không biết Bát-nhã cũng bị Bát-nhã trói buộc. Biết và không biết, nắm buông một bên ngay. Xin hỏi các người thế nào thể của Bát-nhã? Tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tiếng chim oanh dứt, tiếng ve kêu gấp, vào nước rùa đen đầu chẳng thấm ướt, cò trắng bay vào lô hoa rậm, trăng tuyết ngồi ánh đều chẳng kíp. Hồng”.

**2. Thiên sư Hiểu Nguyệt ở Lạc đàm.**

Thiên sư Hiểu Nguyệt ở Lạc đàm tại Hồng châu, vốn người dòng họ Chương ở Bản châu. Có vị Tăng hỏi: “Hết thấy kinh giáo như chỉ vàng trắng. Chưa xét rõ là chỉ cái gì?” Sư đáp: “Xin ngẩn cao mắt nhìn”. Vị Tăng ấy nói: “Sắc nắng chưa phân người thấy hết, đến lúc trời tỏ lại tầm thường”. Sư bảo: “Tuổi già quý lộng người”.

**3. Thiên sư Phương ở Khương sơn.**

Thiên sư Phương ở Khương sơn tại Việt châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là bất động tôn?” Sư đáp: “Đơn mặc áo sam vải xuyên qua chợ”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu?” Sư đáp: “Cưỡi lừa đạp phá sóng động đình”. Lại hỏi: “Thấu qua ba cấp sóng chuyên nghe một tiếng sấm là thế nào?” Sư đáp: “Duỗi tay chẳng thấy lòng bàn tay”. Lại hỏi: “Vậ có đưa người học tiến tới không?” Sư đáp: “Đạp đất báo hư không”. Lại nói: “Dưới cửa sấm, bày trống khó vang tiếng”. Sư bảo: “Trên tám hoa cầu tử chẳng dùng cờ lụa hồng”. Vị Tăng ấy lại nói: “Ba mươi năm sau câu thoại này rất được thực hành”. Sư bèn đánh. Lại hỏi: “Lúc hoa sen chưa ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Xỏ kim chỉ hiềm mắt nhỏ”.

Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi thì thế nào?” Sư đáp: “Trộn ngày chân mày sầu”. Lại hỏi: “Thế nào là một Trần vào Chánh thọ?” Sư đáp: “Rắn ngậm đuôi chuột già”. Lại hỏi: “Thế nào là các Trần Tam-muội khởi?” Sư đáp: “Ba ba cần cần câu cá”. Lại hỏi: “Thế nào thì Đông Tây chẳng rõ, Nam Bắc chẳng phân đi?” Sư đáp: “Trước nhà một chén đèn đêm tỏ, ngoài rèm vài cành trúc gầy xanh”. Lại hỏi: “Lúc chư Phật chưa xuất hiện nơi đời thì thế nào?” Sư đáp: “Chẳng biết rượu trông con”. Lại hỏi: “Sau khi đã xuất hiện nơi đời thì thế nào?” Sư đáp: “Câu cá trên thuyền tặng ba dùi”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Đề râu lại biểu thị tướng Trương phu”. Lại hỏi: “Tuôn dòng vượt nhận vào lửa qua gió, chưa xét rõ dưới cửa Khương Sơn có hứa cho nương gá không?” Sư đáp: “Trời lạnh ngài ngấn đêm lại dài”. Lại hỏi: “Trưởng gấm họa vẽ uyên ương, hành nhân khó được thấy”. Sư bảo: “Mặt trong đầu lâu, hơi khí xông lên trời”. Vị Tăng ấy gọi: “Hòa thượng!” Sư bảo: “Đầu gà đuôi phụng”. Lại nói: “Các phượng trong bùn tẩy rửa Khương Sơn, họa vẽ tương lai”. Sư bảo: “Ngày nay Khương Sơn vì khách. Hãy trông nhìn Xà-lê khéo truyền, tuy là như vậy, nhưng chẳng được buông thả qua”. Và Sư bèn đánh.

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Xuyên mây chẳng qua nước, qua nước chẳng xuyên mây. Đất trời nắm định và không nắm định. Hư không buông thả đi và không thả buông đi, ngang ba dọc bốn chột lia chột hợp. Đem dài vá ngắn tức chẳng hỏi, còn cơm các người ăn là gạo làm ra một cấu cốt yếu tạm khó nói”. Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Việc riêng chẳng được quan thù đáp”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chẳng là nói được nói chẳng được. Các phượng nắm hết làm kỳ đặc. Hàn Sơn đốt lửa đầu đầy tro, cười mắng Phong Can Lão giặc kia”.

#### **4. Thiên sư Hiển Đoan ở Bạch lộ.**

Thiên sư Hiển Đoan ở Bạch lộ tại Phước châu, vốn dòng họ Châu ở Bản châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Đạo?” Sư đáp: “Chín châu, Bách việt”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong đạo?” Sư đáp: “Cởi áo gấm mập”. Lại hỏi: “Thế nào là Đại Thiện tri thức?” Sư đáp: “Nắm dao đón kiếm”. Lại hỏi: “Vì sao như vậy?” Sư đáp: “Lễ phòng quân tử”. Lại hỏi: “Thế nào là khác loài?” Sư đáp: “Ổ quạ sinh chim phụng”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tôn giả Ma Đằng vào đất Hán trên thị khoét sọ, Sa-môn Khương Tăng Hội đến đất Ngô trong mắt thêm mạc vụn. Tổ sư Đạt-ma chín năm xoay mặt vào vách tường bởi do ủy my. Nhị Tổ đứng giữa tuyết cầu tâm vụt thành bất tiểu. Các người đến trong đó làm sao nhà mọc. Nếu nói được thì đi ngang trên biển. Nếu nói không được

thì riêng nằm giữa rừng”. Rồi, sư nắm gậy chống đánh xuống thiển sần một cái. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là vô tướng Phật?” Sư đáp: “Sư tử đá đầu khe”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Có tâm đứng trên sông chẳng sợ cát sóng trào”. Lại hỏi: “Lúc ngưng nhiên lắng đọng thì thế nào?” Sư bảo: “Chẳng là nơi Xà-lê an thân lập mạng”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi người học an thân lập mạng?” Sư đáp: “Mây có thể ra núi, nước không tiếng vào khe”. Lại hỏi: “Thế nào là giáo ý?” Sư đáp: “Trên hội Lăng già?” Lại hỏi: “Thế nào là Tổ ý?” Sư đáp: “Trước núi Hùng nhĩ”. Lại hỏi: “Giáo ý và Tổ ý cùng cách nhau bao nhiêu?” Sư đáp: “Tùng lạnh liền xanh, trúc thu đối nước sen hồng”.

#### **5. Thiền sư Trí Thiên ở Lang da.**

Thiền sư Trí Thiên ở Lang da tại Trừ châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Lang da?” Sư đáp: “Tùng nhân có hạng Tiêu sơ già, Hoa vì vô tình lần lượt nở”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Tóc dài dung mạo vị Tăng xấu”. Lại hỏi: “Thế nào là câu Hòa thượng làm người?” Sư đáp: Trước mắt ba thước tuyết”. Lại hỏi: “Chẳng tiện phải vậy không?” Sư đáp: “Sau đầu một cành hoa”.

#### **6. Thiền sư Động Uyên ở Lương phong.**

Thiền sư Động Uyên ở Lương phong tại Tuyên châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Niết-bàn?” Sư đáp: “Dao chẻ búa bữa”. Lại hỏi: “Thế nào là giải thoát?” Sư đáp: “Áo dài quần ngắn”. Lại hỏi: “Nơi các Thánh chẳng đến, Sư có biết hay không?” Sư đáp: “Tuổi già không sức xuống thiển sần”. Lại hỏi: “Lúc ly Tứ cú tuyết bách phi thì thế nào?” Sư đáp: “Sài môn cỏ tự sâu”. Lại hỏi: “Con chó có Phật tánh không?” Sư đáp: “Cây tùng thẳng, cây gai cong”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Cát vàng soi chiếu cảnh”. Lại hỏi: “Thế nào là đạo?” Sư đáp: “Ngọc nữ buông cây thoi”. Lại hỏi: “Phật và Đạo cách xa nhau bao nhiêu?” Sư đáp: “Lông rùa dài một trượng, sừng hổ dài tám thước”.

#### **7. Thiền sư Phương ở Chân như.**

Thiền sư Phương ở viện Chân như tại Chân châu, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Giác ở Lang da, chỉ khán câu thoại cây bách. Sư từng vào thất trình bày điều nhận biết, chẳng dung dị bày tỏ ngôn từ nên thường bị quát mắng đuổi ra. Một ngày nọ bỗng nhiên đại ngộ, Sư đi thẳng vào phương trượng, nói: “Tôi hiểu rồi vậy!” Thiền sư Giác hỏi: “Làm sao ông phát hiểu?” Sư đáp: “Đêm lại nằm giường chiếu âm, đến lúc tỉnh giấc trời sáng bừng”. Thiền sư Giác bèn hứa khả đó.

#### **8. Thiền sư Thản ở Hưng giáo.**

Thiền sư Thản ở viện Hưng giáo tại Tuyên châu, vốn dòng họ



Ngưu ở Vĩnh gia. Chuyên làm nghề đánh bạc, nhân rèn ráp binh khí mà có sự tỉnh ngộ, bèn liền xuất gia đến dự tham Thiền sư Giác ở Lang da, nhân vừa có ngôn ngữ liền chóng khế hợp. Sau Sư lại nương tựa Thiền sư Hoài ở Thiên y. Lúc ở tại Hưng giáo cất nhắc Sư lên ở Đệ nhất tòa. Thiền sư Hoài được nơi khác thỉnh mời đã nhận lời, mà muốn trong châu thỉnh mời Sư kế thừa đó. Khi ấy Điều Cảnh Thuần học sĩ trấn thủ tại Uyển lãng, Thiền sư Hoài lo ngại Điều Cảnh Thuần giam trái bên ngoài mà bàn nghị, mới đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm mà chú nguyện rằng: “Nếu Thượng tọa Thản là bậc có Đạo nhân người sáng đủ khả năng kham nhận trú trì, thì xin nên hiện bày mộng thấy Điều Học sĩ”. Đến đêm, Điều Cảnh Thuần mộng thấy trên pháp tòa chùa Hưng giáo có một con trâu. Sáng sớm Thiền sư Hoài giả từ châu ấy, Điều Cảnh Thuần kể lại điều mộng, Thiền sư Hoài bèn cười, Điều Cảnh Thuần hỏi về nguyên do. Thiền sư Hoài nói: “Thủ tòa Thản vốn người dòng họ Ngưu, lại thuộc Ngưu”. Điều Cảnh Thuần đến tòa dâng thiệp thỉnh mời Sư. Sư nhận sự thỉnh mời đó mà lên pháp tòa. Có Thiền sư Tĩnh Tông là vị Hóa chủ ở Tuyết đậu bước ra khỏi: “Lúc chư Phật chưa xuất hiện nơi đời, mọi người lỗ mũi cách xa trời, sau khi xuất hiện nơi đời vì sao mặt mờ không tiêu tức?” Sư đáp: “Gió trước núi Kê tức lặng yên”. Thiền sư Tĩnh Tông nói: “Chưa ở lại nói”. Sư bảo: “Tuyết lớn đầy khắp Trường an”. Thiền sư Tĩnh Tông nói: “Ai người biết ý ấy, khiến ta nhớ Nam tuyên?” Xong bèn phủ tay áo trở về chúng lại cũng không lễ bái. Sư bảo: “Ngày nay Tân hưng giáo mất lợi”. Rồi cũng trở về phương trượng, bảo người sang thỉnh mời Thiền sư Tĩnh Tông đến, và Sư hỏi: “Vừa lại bày chỉ đối đáp một chuyển ngữ, trước chúng trời người sao chẳng lễ bái che phủ đi?” Thiền sư Tĩnh Tông nói: “Dưới đầu gối bậc Đại trượng phu có vàng ròng, sao chịu lễ bái Trường lão không mất sáng?” Sư bảo: “Ta riêng có một câu sống”. Thiền sư Tĩnh Tông mới sửa câu nói trước là: “Đến chưa tới, lại nói nơi ở”. Sư bảo: “Ta có ba mươi gậy, gởi ông đánh Tuyết đậu”. Thiền sư Tĩnh Tông mới lễ bái.

### **9. Thiền sư Khả Tuyên ở Quy tông.**

Thiền sư Khả Tuyên ở Quy tông tại Giang châu, vốn người xứ Hán châu. Từ tuổi tráng niên, Sư đã xuất gia làm Tăng, bèn ra núi Hạp đến nương tựa Thiền sư Giác ở Lang da, vừa buông một câu, các điều nghi vụn tiêu mất. Thiền sư Giác bèn hứa khả đó. Sau đó không bao lâu, bảo Sư phân tòa, sống tỉnh lặng lắng không. Cư sĩ Quách Công Phủ thường qua hỏi đạo rất đượm nồng. Đến lúc Sư ra nhận lãnh Quy tông,



khi ấy Công Phủ trấn nhậm Nam xương úy. Bồng nhiên Quận thú giận ghét Sư, chẳng vì kính lễ nhật nhạn rất lắm, Sư bèn viết thư gửi Công Phủ nói rằng: “Duyên ở đời của Tôi có sáu năm, chẳng làm sao mà Châu chủ đê ép bức bách. Tôi sẽ bỏ hơi thở còn thừa, đến gá sống nơi nhà ông, mong chớ trở ngại!” Công Phủ đọc xem thư, vừa kinh sợ vừa vui mừng mà gật đầu đó. Nửa đêm vợ Công Phủ nằm mộng thấy Sư vào nơi phòng ngủ, bèn kêu thốt rằng: “Đây không phải nơi Hòa thượng đáng lại”. Công Phủ lay mình thức tỉnh mà hỏi đó, vợ Công Phủ bèn kể lại giấc mộng rõ ràng. Công Phủ bảo đốt đèn đem thư của Sư gửi để đọc và cùng cười không thôi. Bèn mang thai, đến lúc sinh nở bèn đặt tên là Tuyên Lão. Suốt qua một năm nhớ hỏi như xưa. Đến năm ba tuổi, Thiền sư Đoan ở Bạch vân đến nhà Công Phủ, Tuyên Lão vừa trông thấy, liền bảo: “Cháu ta đến kìa”. Thiền sư Đoan hỏi: “Đã xa cách Hòa thượng thời gian bao năm rồi?” Tuyên Lão chỉ ngược bảo: “Đã bốn năm, bởi vì cùng xa cách nhau một ăm mới qua đời”. Lại hỏi: “Cùng xa cách nhau tại nơi nào?” Tuyên Lão đáp: “Trên trang Bạch Liên”. Lại hỏi: “Lấy gì làm chứng nghiệm?” Tuyên Lão đáp: “Ngày mai song thân thỉnh mời Hòa thượng dự trai hội”. Bồng nhiên nghe có tiếng đẩy xe, Thiền sư Đoan hỏi: “Ngoài cửa có tiếng gì vậy?” Lão Tuyên bèn đưa tay làm thế đẩy xe. Lại hỏi: “Sau khi qua thì thế nào?” Tuyên Lão đáp: “Đất bằng hai ngòai rãnh hẹp”. Quả nhiên sau đó vừa tròn sáu năm, không bệnh tật mà Tuyên Lão qua đời.

#### **10. Thiền sư Tử Tuyên ở Trường thủy.**

Thiền sư Tử Tuyên ở Trường thủy tại Tú châu, vốn người xứ Gia hưng. Từ lúc mới xuất gia, Sư chuyên trì tụng kinh Lăng Nghiêm không khi ngừng nghỉ, Sư nương tựa theo Pháp sư Hồng Mẫn nghe giảng đến “Hai tướng động tĩnh liễu nhiên bất sinh” mà có sự tỉnh ngộ, bèn nói với Pháp sư Hồng Mẫn rằng: “Ném không đánh cây còn rơi lại nêi lưới, đất mất dương mây đã thành phồng bàn nghị, vất bỏ hai đường ấy đi mới khế hợp với ý chỉ này”. Pháp sư Hồng Mẫn vỗ về mà hứa khả đó. Nhưng Sư lại muốn tham cứu nguồn thiền, chưa rõ biết nói thừa sang. Nghe Thiền sư Giác ở Lang da là bậc đạo hạnh trọng vọng ở đương thời, liền tìm đến nơi pháp tịch, lên ngay giảng đường, tiếp theo Sư ra thưa hỏi: “tịnh bản nhiên, cơ sao bồng sinh ra núi sông đất liền?” Thiền sư Giác cậy thế lực mà đáp rằng: “tịnh bản nhiên, cơ sao bồng sinh ra núi sông đất liền”. Sư bèn lãnh ngộ, liền đánh lễ kính tạ thưa rằng: “Nguyện xin được theo hầu khấn Bình!” Thiền sư Giác bảo: “Tông của ông đã không được phát chấn từ lâu, ông nên gắng chí phù trì, ngõ hầu báo đáp

ân đức chư Phật, chớ lấy Tông khác làm lớn vậy!” Sư mới y theo lời chỉ dạy ấy lễ bái lại mà tạ từ. Sau, Sư đến Trường thủy, thừa bả giáo pháp. Một ngày nọ, trông nhìn xuống đại chúng, Sư bảo: “Đạo chẳng do ngôn tượng mà được, Thiền chẳng bởi phỏng nghị mà biết. Hiểu ý thông Tông từng không riêng đạt. Do đó đối với hai Tông thấy đều kính ngưỡng vậy”. Sư từng sở giải các kinh Lăng Nghiêm v.v... hưng thịnh hành trì ở đời.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC  
Quyển 7 (Hết)

